

## PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

<b>Phiếu An toàn hóa chất</b>			
<b>Tên hóa chất hoặc tên sản phẩm:</b> HYDROGEN PEROXIDE			
Số CAS: 7722 - 84 - 1 Số UN: 2014 Số đăng ký EC: 008 - 003 - 00 - 9 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): UN: không có thông tin Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có): không có thông tin			
<b>PHẦN I: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT</b>			
- Tên thường gọi của chất: Oxy già		Mã sản phẩm (nếu có)	
- Tên thương mại: Hydrogen peroxide			
- Tên khác (không là tên khoa học):			
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:	
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:			
- Mục đích sử dụng: Thương mại			
<b>PHẦN II: THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT</b>			
<b>Tên thành phần nguy hiểm</b>	<b>Số CAS</b>	<b>Công thức hóa học</b>	<b>Hàm lượng (% theo trọng lượng)</b>
Hydrogen peroxide	7722-84-1	H <sub>2</sub> O <sub>2</sub>	50%

## PHẦN III: NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

### 1. Mức xếp loại nguy hiểm:

Ti lệ J.T. Baker SAF-T-DATA(tm) (để tham khảo):

Tiếp xúc: 4 - rất cao . Sức khoẻ: 3 - Cao (độc). Dễ cháy: 0 - Không cháy. Phản ứng: 3 - Cao

### 2. Cảnh báo nguy hiểm

- Tổng quan: Là chất độc hại, nguy hiểm, ăn mòn, có thể gây kích ứng da, mắt, hô hấp, có thể tử vong.

- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Lưu trữ trong thùng kín. Lưu trữ tại nơi khô ráo, thoáng mát, riêng biệt và thông gió tốt, tránh xa nơi có thể gây cháy. Tránh nhiệt, độ ẩm và tránh các vật tương khắc. Sàn nhà phải chống lại được axit. Bảo vệ để tránh sự nguy hại về mặt cơ lí. Sử dụng thiết bị và dụng cụ không phát lửa. Không tẩy rửa, sử dụng thùng chứa vì mục đích khác. Khi mở những thùng chứa kim loại không dùng những dụng cụ đánh lửa. Những thùng chứa khi hết vẫn có thể gây hại vì chúng chứa bụi, cặn. Tuân thủ các cảnh báo và hướng dẫn cho sản phẩm. Sử dụng đúng phương tiện bảo hộ cá nhân. Sử dụng thiết bị bảo hộ phù hợp theo giới hạn tiếp xúc .

### 3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: gây đỏ, đau, gây bỏng làm mù loà.

- Đường thở: gây dị ứng nghiêm trọng: có cảm giác rát, đau cổ họng, ho, hơi thở nặng nhọc. Nếu hít nhiều có thể bị phù phổi hoặc tử vong.

- Đường da: Gây kích ứng: đỏ, dị ứng, có thể bị bỏng rộp nghiêm trọng.

- Đường tiêu hóa: nếu nuốt phải có thể gây cháy miệng, họng, dạ dày. Có thể gây ra nhiều sẹo hoặc gây chết. Triệu chứng bao gồm: chảy máu, nôn, tiêu chảy, hạ huyết áp, co giật, hôn mê, tử vong.

## PHẦN IV: BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

### 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt):

Trước hết rửa mắt bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút trong khi liên tục đậy mi mắt trên và dưới. Phải gọi bác sỹ ngay lập tức.

### 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):

Ngay lập tức tháo bỏ hết quần áo, giày...bị hoá chất bắn vào, phải giặt sạch chúng trước khi đưa vào sử dụng lại. Rửa thật kĩ lưỡng bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút. Sau đó phải gọi bác sỹ ngay lập tức.

### 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí):

Chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm tới nơi thoáng mát. Nếu nạn nhân khó thở cho nạn nhân thở bình oxi. Phải hô hấp nhân tạo ngay nếu nạn nhân ngừng thở. Giữ thật thoải mái và chuyển ngay tới bệnh viện gần nhất.

### 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất):

Nếu nuốt phải, giữ thật thoải mái. Sau đó uống nhiều nước. Lưu ý không được cho vào miệng nạn nhân bất cứ vật gì. Và ngay lập tức phải chuyển ngay tới bệnh viện gần nhất và có sự điều trị của bác sỹ.

**5. Lưu ý đối với bác sỹ điều trị (nếu có):** Nếu nuốt phải thì phải rửa dạ dày, có thể dùng  $TiCl_2$  để thử dịch cơ thể. Nếu để chậm 24-72 giờ có thể dẫn đến phù phổi

## PHẦN V: BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

### 1. Xếp loại về tính cháy:

- Không được coi là chất dễ cháy. Nhưng là chất oxy hóa mạnh, phản ứng tỏa nhiệt mạnh có thể gây cháy các chất dễ cháy.

### 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:

Khí Oxy, Hydro.....

### 3. Các tác nhân gây cháy, nổ:

Không được coi là chất dễ cháy và dễ nổ.

### 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:

Sử dụng bất kỳ phương tiện chữa cháy nào.

### 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:

Nếu cháy, mặc quần áo và găng tay bảo hộ, NIOSH, mặt nạ kín với áp lực tiêu chuẩn.

### 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có):

Không được sử dụng các thiết bị dễ cháy để dập lửa.

## PHẦN VI: BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

### 1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:

Giới hạn tiếp xúc không khí:

- Giới hạn tiếp xúc cho phép theo OSHA (PEL): 1ppm ( TWA)

- ACGIH giới thiệu giá trị ngưỡng: 1ppm ( TWA)

Trang bị đồ dùng bảo hộ cá nhân đầy đủ và thích hợp theo tiêu chuẩn NIOSH.

Phải có hệ thống thông gió tốt để khống chế sự bay hơi và phân tán trong khu vực làm việc. Cô lập vùng bị tràn hoá chất nguy hiểm. Chứa hoặc lấy lại hoá chất nếu có thể. Không để tràn hoá chất vào cống thoát nước. Những chất còn lại do tràn, rò rỉ thì có thể pha loãng với nước. Thẩm chất ăn mòn còn lại bằng đất sét, vecmiculit (chất khoáng dạng mica nở) hay chất trơ khác và đặt trong thùng chứa thích hợp để đem tiêu huỷ.

### 2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:

Giới hạn tiếp xúc không khí:

- Giới hạn tiếp xúc cho phép theo OSHA (PEL): 1ppm ( TWA)

- ACGIH giới thiệu giá trị ngưỡng: 1ppm ( TWA)

Trang bị đồ dùng bảo hộ cá nhân đầy đủ theo tiêu chuẩn NIOSH: nếu lần giới hạn tiếp xúc vượt quá 10 lần và không thể kiểm soát cơ khí, thì sử dụng mặt nạ phòng độc nửa mặt. Có thể sử dụng mặt nạ phòng độc nếu giới hạn tiếp xúc vượt quá 50 lần. Nếu không xác định được mức độ vượt quá giới hạn tiếp xúc, thì sử dụng mặt nạ phòng độc có áp suất không khí. Chú ý: mặt nạ phòng độc lọc không khí không có tác dụng trong khu vực thiếu oxy.

Phải có hệ thống thông gió tốt để khống chế sự bay hơi và phân tán trong khu vực làm việc. Cô lập vùng bị tràn hoá chất nguy hiểm. Chứa hoặc lấy lại hoá chất nếu có thể. Không để tràn hoá chất vào cống thoát nước. Những chất còn lại do tràn, rò rỉ thì có thể pha loãng với nước. Thẩm chất ăn mòn còn lại bằng đất sét, vecmiculit (chất khoáng dạng mica nở) hay chất trơ khác và đặt trong thùng chứa thích hợp để đem tiêu huỷ.

## PHẦN VII: YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

### 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:

- Sử dụng thiết bị và dụng cụ không phát lửa, có hệ thống thông gió tốt để kiểm soát và ngăn ngừa tràn đổ, rò rỉ hoá chất trong khu vực làm việc. Nên sử dụng ống dẫn khí để giữ sự tiếp xúc nằm trong giới hạn. Găng tay, ủng, kính, áo khoác, tạp dề hoặc quần áo liền mảnh cần phải được sử dụng khi tiếp xúc.

## 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản:

- Lưu trữ trong thùng kín tại nơi khô ráo, thoáng mát, riêng biệt và thông gió tốt, tránh xa nơi có thể gây cháy. Tránh nhiệt, độ ẩm và tránh các vật tương khắc. Bảo quản tránh sự hư hại về mặt cơ lí. Không tẩy rửa, sử dụng thùng chứa vì mục đích khác. Khi mở những thùng chứa kim loại không dùng những dụng cụ đánh lửa. Những thùng chứa khi hết vẫn có thể gây hại. Tuân thủ các cảnh báo và hướng dẫn cho sản phẩm.

## PHẦN VIII: TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

### 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết:

Sử dụng hệ thống thông gió, tủ hút hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc. Sử dụng thiết bị bảo hộ phù hợp theo giới hạn tiếp xúc không khí:

- Giới hạn tiếp xúc cho phép theo OSHA (PEL): 1ppm ( TWA)
- ACGIH giới thiệu giá trị ngưỡng: 1ppm ( TWA)

### 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: kính bảo hộ
- Bảo vệ mặt: mặt nạ phòng độc theo tiêu chuẩn NIOSH.
- Bảo vệ thân thể: quần áo dài tay
- Bảo vệ tay: găng tay an toàn hoá chất
- Bảo vệ chân: giày bảo hộ, ủng cao su.

### 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:

- Bảo vệ mắt: kính bảo hộ
- Bảo vệ mặt: mặt nạ phòng độc theo tiêu chuẩn NIOSH.
- Bảo vệ thân thể: quần áo dài tay
- Bảo vệ tay: găng tay an toàn hoá chất
- Bảo vệ chân: giày bảo hộ, ủng cao su.

### 4. Các biện pháp vệ sinh:

Tắm rửa, vệ sinh sạch sẽ ngay sau khi sử dụng hay tiếp xúc với hóa chất. Phải có chỗ rửa mắt, thuốc hay thiết bị tẩy rửa, gần khu vực làm việc, dán kí hiệu cảnh báo nguy hiểm.

## PHẦN IX: ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: dạng lỏng	Điểm sôi ( <sup>0</sup> C): 108 <sup>0</sup> C
Màu sắc: không màu	Điểm nóng chảy ( <sup>0</sup> C): -25 <sup>0</sup> C
Mùi đặc trưng: hắc.	Điểm chớp cháy: không có thông tin
Độ tan trong nước: tan hoàn toàn	Nhiệt độ tự cháy ( <sup>0</sup> C): không có thông tin
Độ pH: 2,0 - 3, 5	Tỷ lệ hóa hơi: < 1
Khối lượng riêng (kg/m <sup>3</sup> ): 1,11	Mật độ hơi: 1,7

## PHẦN X: MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

**1. Tính ổn định** (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): ổn định ở điều kiện sử dụng và bảo quản bình thường. Không ổn định với nhiệt, ánh sáng, phản ứng mạnh khi tiếp xúc với chất hữu cơ, giấy...

### 2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Oxy, hydro..
- Phản ứng trùng hợp: không xảy ra
- Phản ứng tương tác khác: Nhiệt, vật liệu hữu cơ, kiềm, Kim loại
- Nên tránh: Nhiệt, ánh sáng, lửa....

## PHẦN XI: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
H2O2	Không có thông tin			

### 1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...):

Chất gây ung thư NTP

Thành phần	Đã có	Sẽ có	IARC
Hydrogen Peroxide (7722-84-1)	Không	Không	Không

### 2. Các ảnh hưởng độc khác : Không có thông tin.

## PHẦN XII: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

### 1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu ký ảnh hưởng	Kết quả
H2O2	Không có thông tin		

### 2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: chưa có thông tin
- Chỉ số BOD, COD: không có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: không có thông tin
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: chưa có thông tin

### PHẦN XIII: YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

**1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp):**

- Xử lý tái chế rác thải theo luật định của địa phương, quốc gia. Tiêu hủy cả những thùng chứa, và chất còn lại khi không sử dụng

**2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải :** không có thông tin

**3. Biện pháp tiêu hủy:**

- Coi như rác thải nguy hại và tiêu hủy trong lò thiêu chất thải theo tiêu chuẩn RCRA hay theo những phương pháp tiêu hủy chất thải theo tiêu chuẩn RCRA

**4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý:**

- Trung hoà bằng axit tạo muối và nước không độc hại RCRA. Trong quá trình xử lý, tùy vào việc sử dụng hay nhiễm bẩn của sản phẩm này có thể thay đổi phương pháp quản lý chất thải.

### PHẦN XIV: YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - 13/2003/NĐ-CP - 29/2005/NĐ-CP - 02/2004/TT-BCN	2014		5.1 , 8	II		463 LB là hóa chất nguy hiểm khi sử dụng nên cần trọng trong quá trình vận chuyển, bảo quản, sử dụng.
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	2014		5.1 , 8	II		463 LB là hóa chất nguy hiểm khi sử dụng nên cần trọng trong quá trình vận chuyển, bảo quản, sử dụng.

### PHẦN XV: QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

**1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)**

Tình trạng khai báo hoá chất - Phần 1

Thành phần	TSCA	EC	Japan	Australia
Hydrogen Peroxide (7722-84-1)	Có	Có	Có	Có

Tình trạng khai báo hoá chất - Phần 2

--Canada--

Thành phần	Korea	DSL	NDSL	Phil.
Hydrogen Peroxide (7722-84-1)	Không	Có	Có	Có

Quy định Liên bang, Quốc gia, Quốc tế - Phần 1

-SARA 302- -----SARA 313-----

Thành phần	RQ	TPQ	List	Chemical Catg.
Hydrogen Peroxide (7722-84-1)	Không	Không	Không	Không

Quy định Liên bang, Quốc gia, Quốc tế - Phần 2

-RCRA- -TSCA

Thành phần	CERCLA	261.33	8(d)	
Hydrogen Peroxide (7722-84-1)	Không	Không	Không	
Hiệp ước vũ khí hoá học: Không	TSCA 12(b): Không		CDTA: Có	
SARA 311/312: Độc cấp tính: Có	Độc mãn tính: Không	Cháy: Có	Áp suất: Không	
Phản ứng: Có (Nguyên chất / Chất lỏng)				

**2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: Không có thông tin.**

Tỷ lệ NFPA:

- Sức khoẻ: 3
- Phản ứng: 1
- Dễ cháy: 0
- Chất oxy hóa mạnh.

Tem cảnh báo nguy hiểm:

Là chất độc hại, nguy hiểm, ăn mòn, có thể gây kích ứng da, mắt, hô hấp, có thể tử vong

Tem an toàn:

- Không lưu trữ cùng vật liệu dễ cháy
- Không để hoá chất bắn vào mắt, da, quần áo.
- Không hít phải bụi.
- Giữ các thùng chứa luôn kín.
- Sử dụng hệ thống thông gió tốt.
- Rửa tay ngay sau khi sử dụng.

Tem sơ cứu:

- Nếu nuốt phải, giữ thật thoải mái. Không được nôn mửa sau đó uống một lượng nước lớn. Lưu ý không được cho vào miệng nạn nhân bất cứ vật gì nếu nạn nhân bất tỉnh. Trong trường hợp tiếp xúc: rửa mắt hoặc da bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút. Tháo bỏ hết quần áo, giày... bị hoá chất bắn vào. Nếu tiếp xúc qua đường hô hấp: chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm tới nơi thoáng mát. Phải hô hấp nhân tạo ngay nếu nạn nhân ngừng thở. Phải có sự chăm sóc y tế trong mọi trường hợp tiếp xúc.

## PHẦN XVI: THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC:

**Ngày tháng biên soạn phiếu:**

**Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:**

**Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT THUẬN NAM**

**Lưu ý người đọc:**

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.